

KẾ HOẠCH 2020 *2020 PLAN*



Version 2.0 - 29 May 2020

PHẦN 1:

CẬP NHẬT ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19

UPDATED IMPACT OF COVID-19



Nhận định ban đầu/*Innitial assumption*

- Tại thời điểm làm bản ngân sách ver 1.0 vào đầu năm 2020, nhận định của Ban điều hành là dịch bệnh giảm dần từ tháng 4, được khống chế trong quý 2 và kinh tế phục hồi từ tháng 7/2020/*At the time of building 2020 budget ver 1.0, we assumed that Covid-19 pandemic would reduce in Apr and be controlled in quarter 2/2020 with economic recovery from July 2020.*

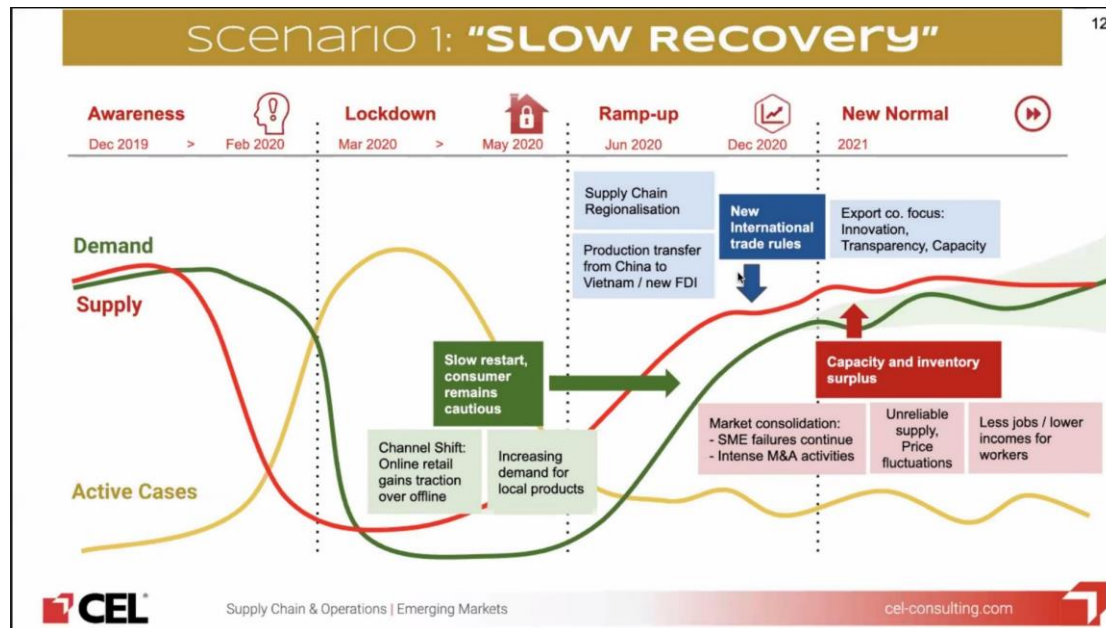
Diễn biến mới từ tháng 3/2020/*New happenings from Mar. 2020*

- Lây lan trong cộng đồng tại Việt Nam bắt đầu từ 7/3/2020/*New case in community from 7th Mar 2020*
- Giãn cách xã hội trong tháng 4/2020/*Social distancing applied in Apr 2020*
- Dịch bệnh bùng phát mạnh trên toàn cầu và chưa có dấu hiệu suy giảm/*Outbreak of pandemic globally with no sign of declination yet*



Cập nhật đánh giá về ảnh hưởng của Covid với thị trường nội địa/Updated impact of Covid to domestic market

- ❖ Theo nhận định của Hội thảo về tác động của Covid với kinh tế Việt Nam, ở kịch bản lạc quan, nhu cầu tiêu dùng nội địa ở mức thấp nhất trong tháng 4, tháng 5/2020 và bắt đầu tăng chậm dần lên từ tháng 6/2020/*According to webinar on Impact of Covid to Vietnam economy, in positive scenario, domestic demand is at lowest level in Apr and May/2020 and will start to slowly recover from June 2020.*
- ❖ Mặc dù đường nhu cầu tăng đều nhưng tốc độ tăng rất chậm và đỉnh của nhu cầu vào tháng 12/2020 chưa tiệm cận với tháng 12/2019/*Although demand stably increases, the growth speed is very small and highest point in Dec 2020 is forecasted to be lower than demand in Dec. 2019*



Ảnh hưởng đến Vinafco

Impact to Vinafco

- ❖ Doanh thu dịch vụ của Vinafco chủ yếu đến từ thị trường nội địa Việt Nam nên diễn biến chung của thị trường nêu trên phản ánh tương đối chính xác ảnh hưởng đến Vinafco/*As main proportion of Vinafco revenue comes from domestic market, the above assumption reflects roughly what happens to Vinafco services.*

Mảng/Sector	Khu vực/tuyến/Sub-sector	Nhận định cũ/Initial assumption	Nhận định mới/Current assumption
Vận tải bộ/Land transport	Tuyến biên giới/Border route	Sản lượng giảm sâu do đóng biên và gián đoạn nguồn hàng từ Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 2-tháng 4/2020/Big decrease in volume of border routes from Feb to Apr 2020	Thời gian ảnh hưởng kéo dài đến tháng 5/2020/Impact time lasts longer to May 2020
	Vận tải hàng bia/Beer transportation	Sản lượng giảm sâu do không tiêu thụ được trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6/2020, sản lượng có thể quay về mức như trung bình 2019 từ tháng 7/2020/Deep decrease in volume from Jan to Jun 2020 and recovery to average volume of 2019 from Jul. 2020	Thời gian phục hồi chậm hơn, đến quý 4 mới có thể quay về mức trung bình như 2019/Recovery to be slower with normal volume by quarter 4.2020
	Vận tải phân phối/Distribution transport	Không bị ảnh hưởng/No impact	Sản lượng giảm sâu trong tháng 4 và tháng 5/2020, bắt đầu tăng trở lại từ tháng 6/2020/Deep increase in Apr and May/2020 with slow recovery from Jun 2020



Ảnh hưởng đến Vinafco

Impact to Vinafco

Mảng/Sector	Khu vực/tuyến/Sub-sector	Nhận định cũ/ <i>Innital assumption</i>	Nhận định mới/ <i>Current assumption</i>
Vận tải biển/ <i>Shipping</i>		Sản lượng toàn thị trường giảm dẫn đến giảm cước và giảm tỷ lệ khai thác tàu trong giai đoạn từ tháng 2/2020 đến tháng 6/2020, sản lượng bắt đầu khôi phục lại từ tháng 7/2020/ <i>Decrease in total market volume leading to decrease in rate and utilization from Feb-Jun 2020 with recovery from Jul. 2020</i>	Thời gian ảnh hưởng chậm hơn và kéo dài hơn: giảm sâu trong tháng 4, tháng 5 và đến quý 4 mới có thể phục hồi dần/ <i>Impact time starts later and lasts longer: deep decrease in Apr and May with recovery until Q4.2020</i>
Kho/ <i>Warehousing</i>		Tăng tồn kho, giảm luân chuyển dẫn đến nhu cầu kho ở các khu vực xa nhà máy giảm trong giai đoạn từ tháng 3-tháng 8.2020/ <i>Stock increase and handling decrease leading to decrease in demand for warehouse far from factories from Mar to May 2020</i>	Sản lượng luân chuyển giảm sâu trong tháng 4 và tháng 5, áp lực về cắt giảm chi phí dẫn đến khách hàng đồng loạt đóng kho/ <i>Deep decrease in handling volume in Apr and May, high pressure of cost cutting leads to close of warehouse massively</i>



PHẦN 2:

KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH 2020-ver 2.0

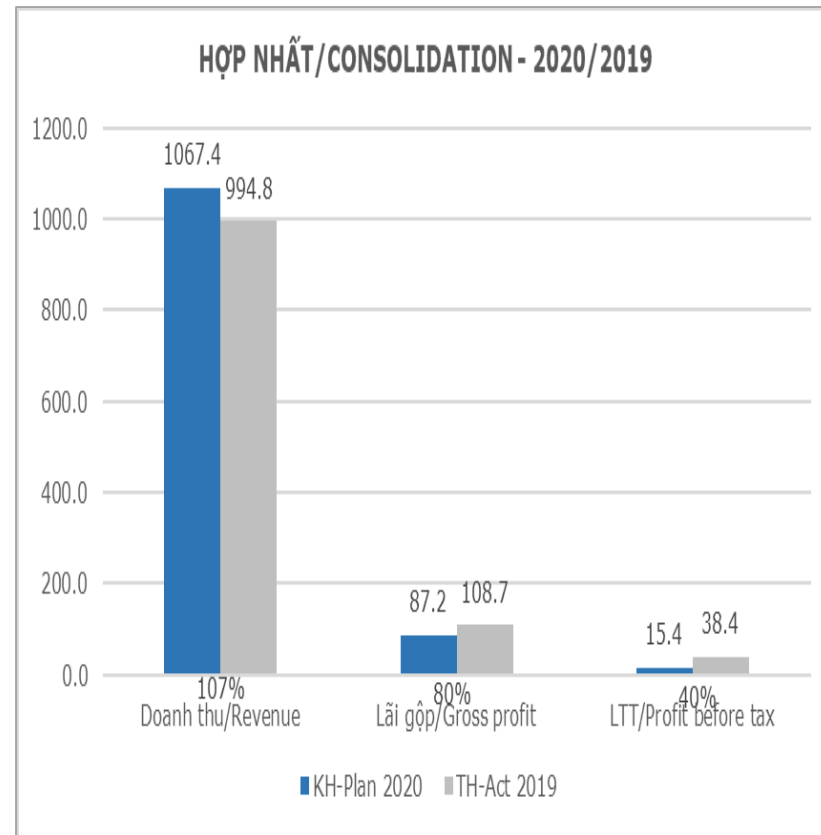
2020 BUDGET PLAN-ver 2.0



NGÂN SÁCH HỢP NHẤT

Consolidated Budget

Khoản mục/Items (tỷ đồng - Bil vnd)	Hợp nhất - Consolidation - Act/Plan 2019			
	2019	2020	2019	2019 / 2020
	TH-Act	KH-Plan	Chênh lệch KH-Plan / TH-Act Dif	Tỷ lệ KH-Plan / TH-Act Rate
Doanh thu Revenue	994.82	1067.42	72.60	107%
Giá vốn Cost of goods sold	886.13	980.23	94.11	111%
Lãi gộp Gross profit	108.69	87.18	-21.51	80%
Chi phí quản lý Administration costs	52.31	57.17	4.85	109%
Lãi từ SXKD Profit/Loss from operation	56.38	30.02	-26.36	53%
Doanh thu tài chính Financial income	1.67	1.55	-0.12	93%
Chi phí tài chính Financial costs	20.00	16.92	-3.08	85%
Lãi lỗ từ HĐ khác Profit/Loss from other	-0.66	0.76	1.42	>100%
Doanh thu từ liên doanh, liên kết Income from affiliate	1.01	0.00	-1.01	<100%
Lãi trước thuế Profit before tax	38.40	15.41	-22.98	40%



- Doanh thu cao hơn thực hiện 2019 đến từ tăng trưởng của mảng kho và vận tải bộ/*Higher revenue compared to actual 2019 due to growth in warehouse and land transport segment*
- Lãi gộp và lãi trước thuế sụt giảm sâu do ảnh hưởng từ tất cả các mảng, đặc biệt là mảng kho và vận tải biển/*Deep decrease in gross profit and profit before tax due to impact of all segments especially warehouse and shipping*



NGÂN SÁCH HỢP NHẤT

Consolidated Budget

So sánh version 2 và version 1/Version 2 vs. Version 1

Khoản mục/Items (tỷ đồng - Bil vnd)	Hợp nhất - Consolidation -V2 / V1			
	2020	2020	V2 - V1	V2 / V1
	KH-Plan - V2	KH-Plan - V1	Chênh lệch KH-Plan-V2/KH- Plan-V1 Dif	Tỷ lệ KH-Plan-V2/KH- Plan-V1 Rate
Doanh thu Revenue	1067.42	1111.75	-44.33	96%
Giá vốn Cost of goods sold	980.23	1019.14	-38.90	96%
Lãi gộp Gross profit	87.18	92.61	-5.43	94%
Chi phí quản lý Administration costs	57.17	55.08	2.09	104%
Lãi từ SXKD Profit/Loss from operation	30.02	37.53	-7.52	80%
Doanh thu tài chính Financial income	1.55	1.47	0.09	>100%
Chi phí tài chính Financial costs	16.92	17.73	-0.82	95%
Lãi lỗ từ HĐ khác Profit/Loss from other	0.76	0.89	-0.13	85%
Doanh thu từ liên doanh, liên kết Income from affiliate	0.00	0.00	0.00	>100%
Lãi trước thuế Profit before tax	15.41	22.16	-6.74	-70%

- Doanh thu giảm 4% đến từ mảng vận tải bộ và vận tải biển/4% lower revenue due to land transport and shipping
- Lãi gộp giảm 6% và lãi trước thuế giảm sâu do ảnh hưởng của tất cả các mảng/6% lower gross profit and deep decrease in profit before tax due to impact of all segments



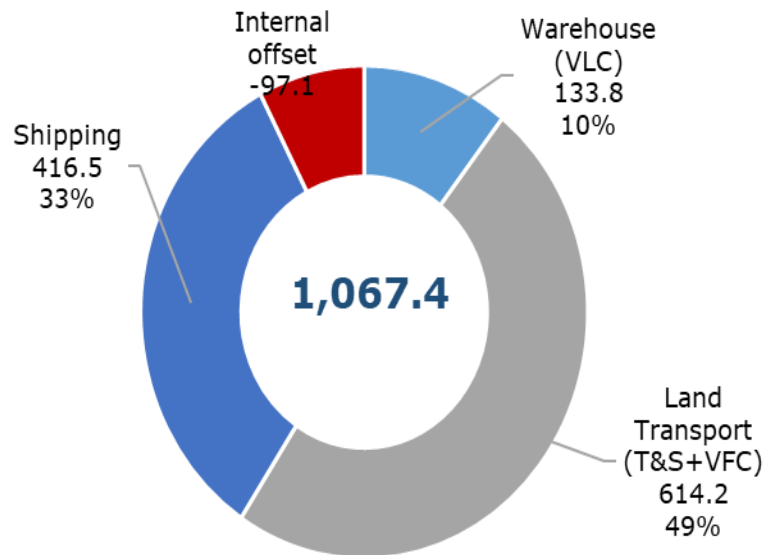
NGÂN SÁCH HỢP NHẤT

Consolidated Budget

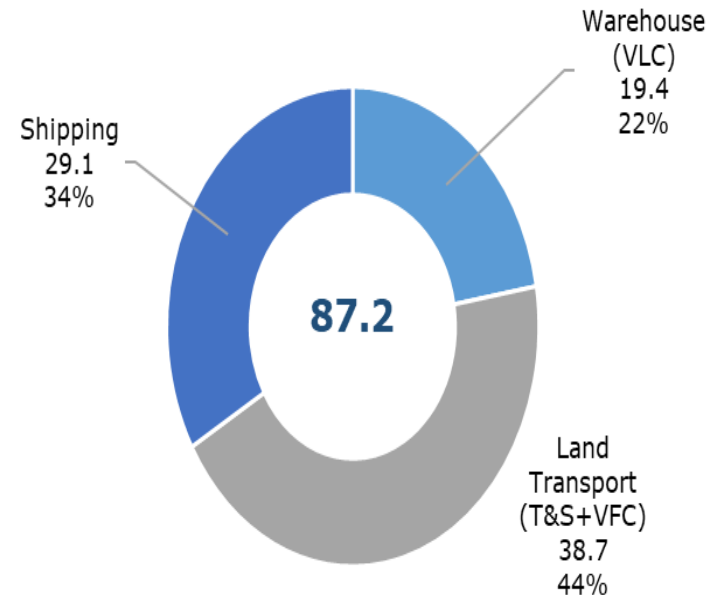
Cơ cấu doanh thu-lãi gộp

Revenue-Gross profit contribution

Plan Revenue 2020

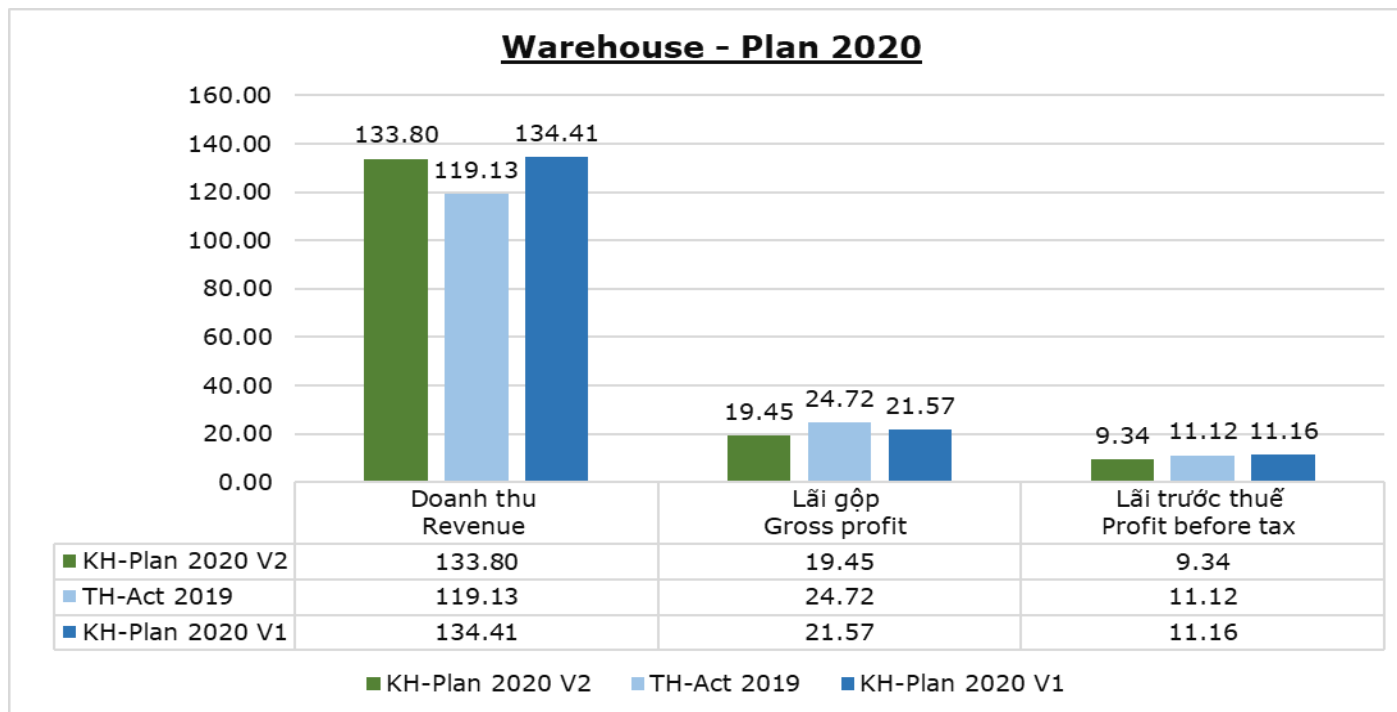


Plan Gross Profit 2020



KẾ HOẠCH CHI TIẾT-MẢNG KHO

Plan by segment-Warehousing



- Doanh thu tương đồng như version 1 và tăng 12% so với thực hiện 2019 do khai thác thêm kho Phú Lợi và khai thác tốt hơn ở Tiên Sơn/ *Same revenue as version 1 and 12% increase compared to actual 2019 due to new Phu Loi DC and better exploitation of Tien Son DC*
- Lãi gộp giảm 10% so với version 1 và giảm 22% so với thực hiện 2019 do giảm lãi sâu của Thanh Trì và Biên Hòa/ *10% decrease in gross profit compared to version 1 and 22% decrease compared to 2019 due to lower efficiency of Thanh Tri and Bien Hoa DC*

KẾ HOẠCH CHI TIẾT-MẢNG KHO

Plan by segment-Warehousing

Chi tiết các kho-KH 2020 vs TH 2019

Details by DC-2020 plan vs. actual 2019

CHỈ TIÊU (ITEM) tỷ đồng (bil VND)	Doanh thu (Revenue)		Lãi gộp (Gross Profit)	
Warehouses	KH - 2020	TH - 2019	KH - 2020	TH - 2019
Tien Son	25.85	20.57	10.16	9.01
Thanh Tri	28.10	29.22	4.10	8.01
Da Nang	6.50	5.51	-1.26	-1.17
Binh Duong	25.71	25.52	5.99	6.04
Bien Hoa	26.55	24.50	1.55	1.82
Mekong	5.56	5.41	0.58	0.86
Phu Loi	16.14	2.23	0.45	-1.00
Bach Dang	0.00	6.16	0.00	1.12

Chi tiết các kho-version 2 vs. version 1

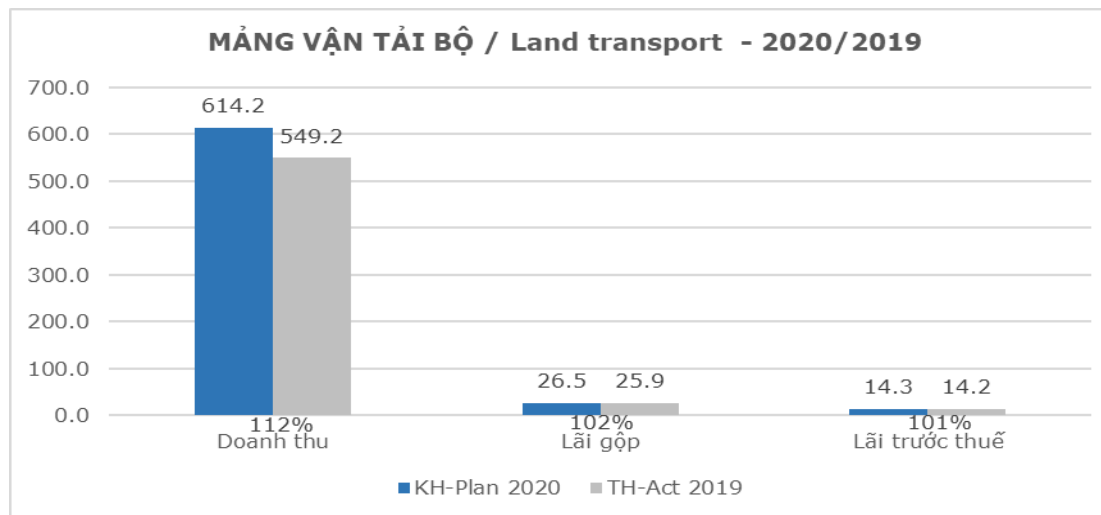
Details by DC-version 2 v. version 1

CHỈ TIÊU (ITEM) tỷ đồng (bil VND)	Doanh thu (Revenue)			Lãi gộp (Gross Profit)		
Warehouses	V2	V1	Diff	V2	V1	Diff
Tien Son	25.85	25.85	0.00	10.06	10.16	-0.10
Thanh Tri	28.12	28.10	0.01	4.01	4.10	-0.09
Da Nang	6.50	6.50	0.00	-1.42	-1.26	-0.15
Binh Duong	25.71	25.71	0.00	5.91	5.99	-0.08
Bien Hoa	26.02	26.55	-0.53	0.06	1.55	-1.49
Mekong	5.46	5.56	-0.10	0.48	0.58	-0.10
Phu Loi	16.14	16.14	0.00	0.34	0.45	-0.11
Bach Dang	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00



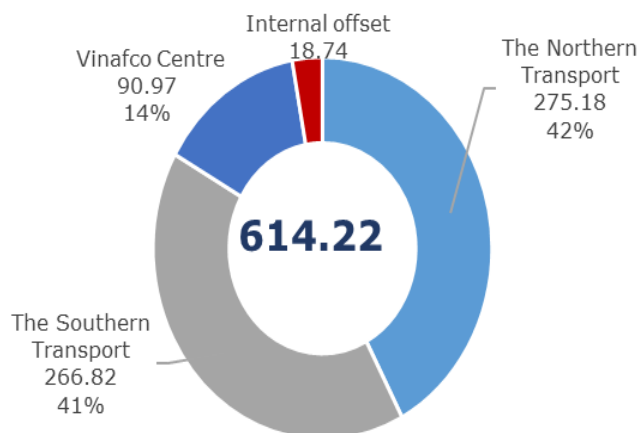
KẾ HOẠCH CHI TIẾT-MẢNG VẬN TẢI BỘ

Plan by segment-Land transport



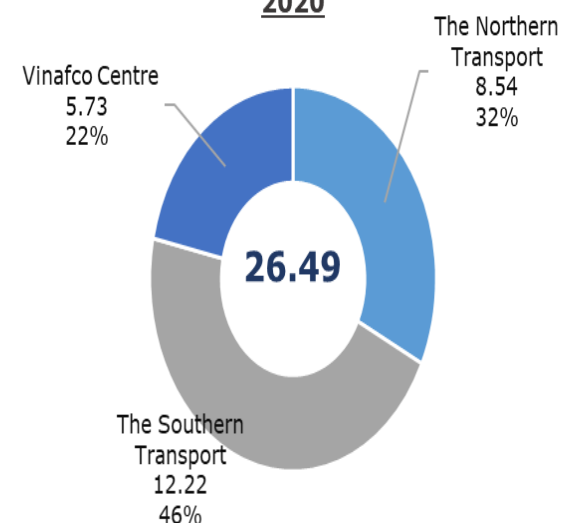
Revenue Plan details

2020



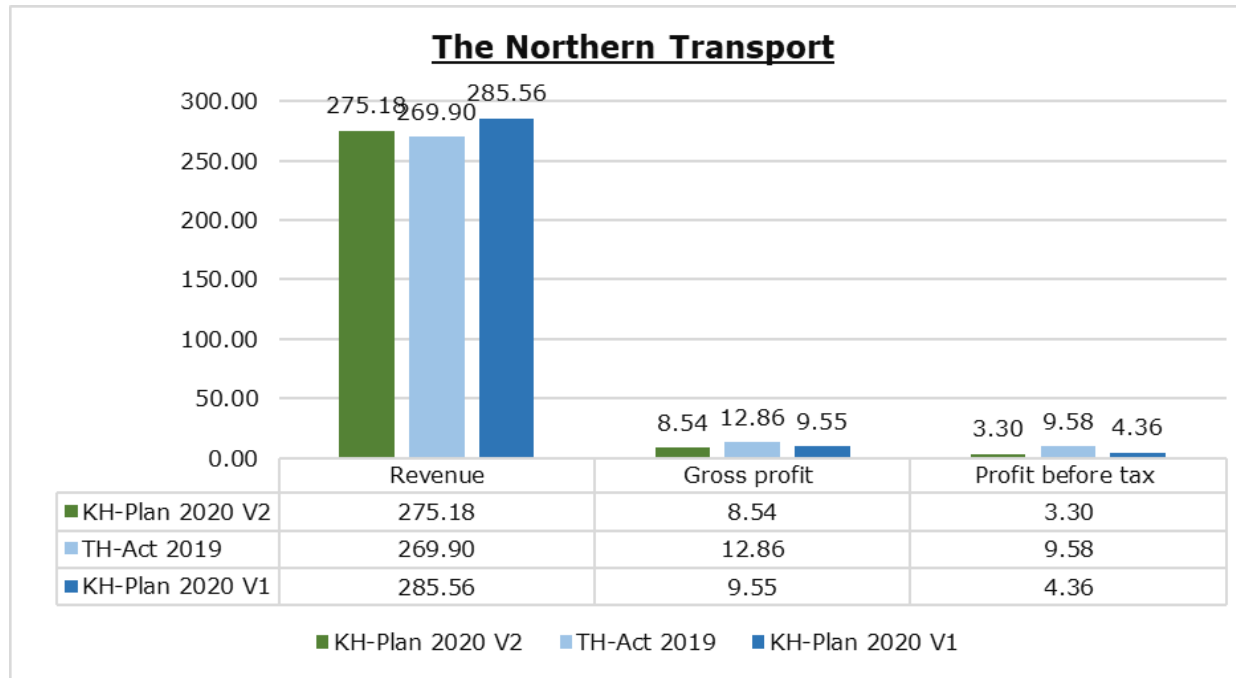
Gross Profit plan details

2020



MẢNG VẬN TẢI MIỀN BẮC

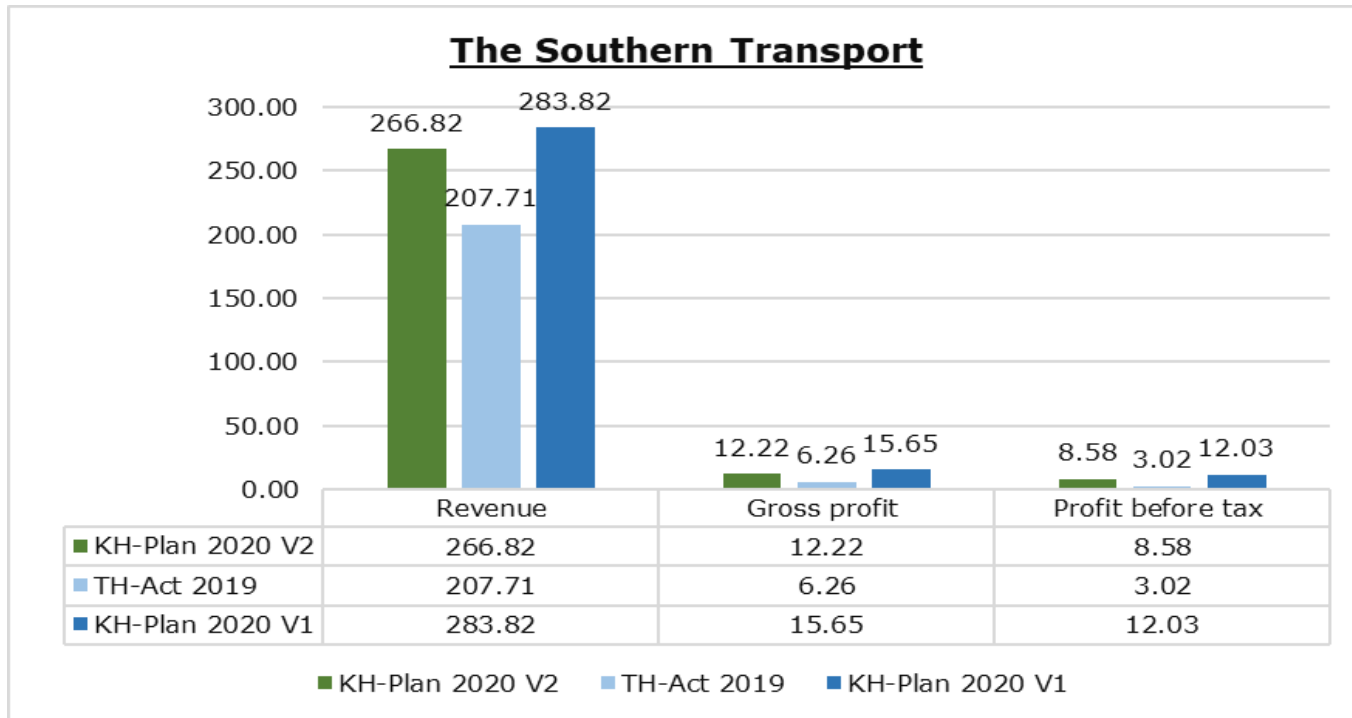
Northern transport



- So với 2019: Lãi gộp giảm mạnh do ảnh hưởng của tuyến biên giới và giảm giá bán khách hàng Satraco/*Compared to 2019: Big decrease in gross profit as impact of border-gate routes and decrease in price of Satraco*
- So với version 1: sụt giảm cả doanh thu và lãi gộp do tác động của dịch Covid đến tất cả các tuyến vận chuyển/*Compared to version 1: decrease in revenue and gross profit due to impact of Covid to all routes*

MẢNG VẬN TẢI MIỀN NAM

Southern transport

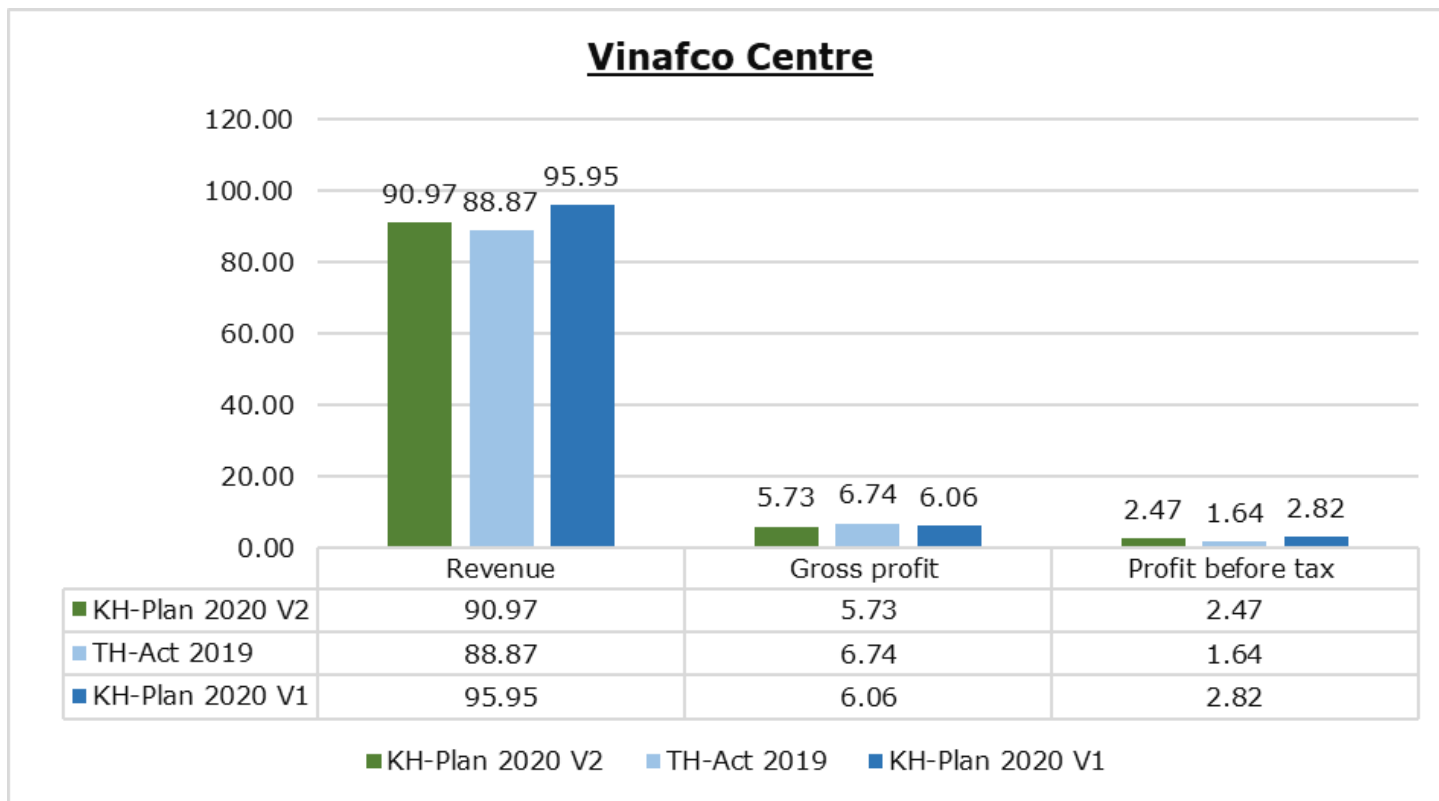


- So với 2019: Tăng trưởng mạnh về doanh thu, lãi gộp do đẩy mạnh phát triển khách hàng mới ở phía Nam/*Compared to 2019: Big growth in revenue and gross profit due to boost sales program in South*
- So với version 1: giảm 6% doanh thu và 22% lãi gộp do điều chỉnh lại kế hoạch bán mới dưới tác động của dịch Covis/*Compared to version 1: 6% decrease in revenue and 22% decrease in gross profit due to adjusting sales plan as a result of Covid*



MẢNG VẬN TẢI MIỀN TRUNG

Central transport

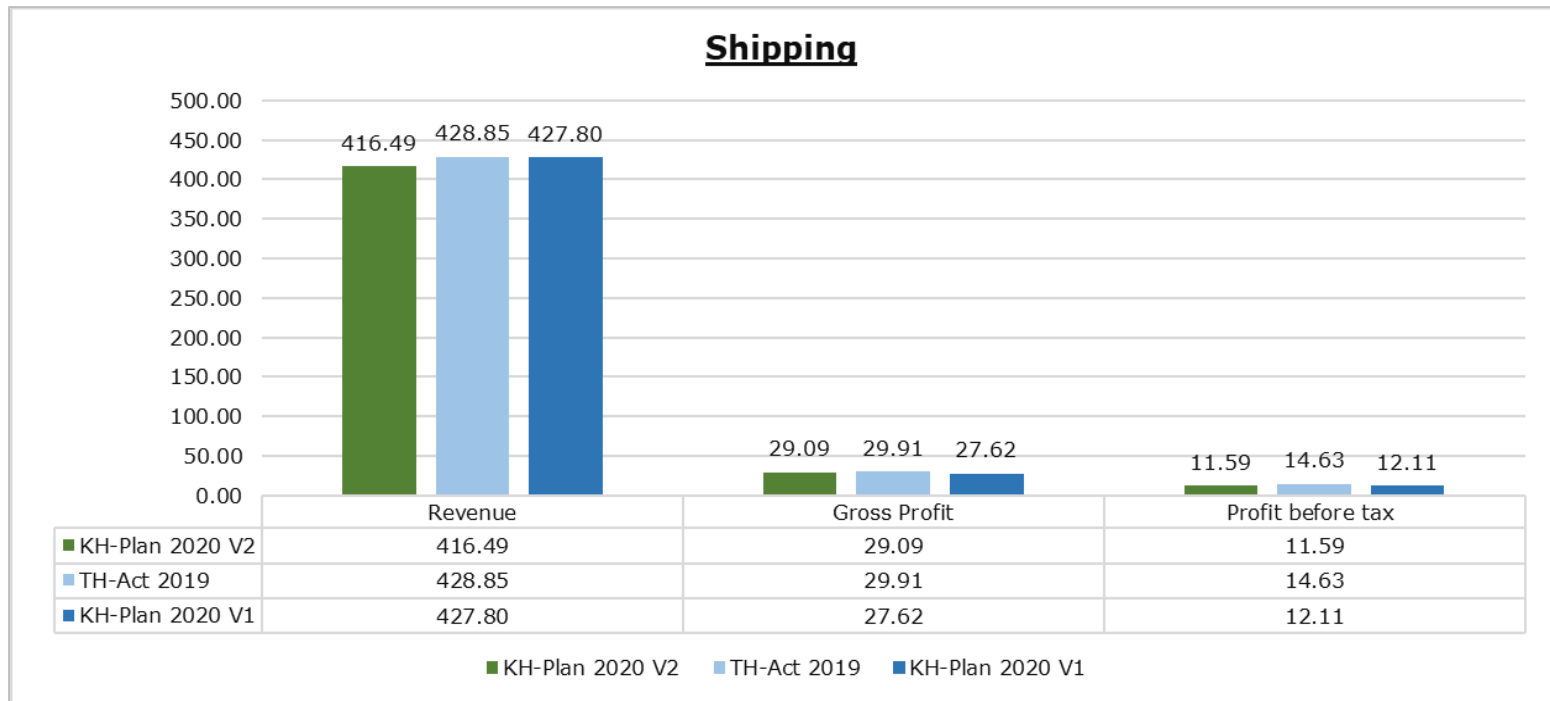


- So với 2019: Doanh thu tăng do khai thác thêm khách hàng mới, lãi gộp giảm do giảm giá bán với khách hàng Satraco / *Compared to 2019: 2020 revenue increase coming from new customers; decrease in gross profit due to price reduction of Satraco*
- So với version 1: doanh thu và lãi gộp giảm 5% do điều chỉnh lại kế hoạch bán mới dưới tác động của dịch Covid/*Compared to version 1: 5% decrease in revenue and gross profit due to adjusting sales plan as a result of Covid*



MẢNG VẬN TẢI BIỂN

Shipping

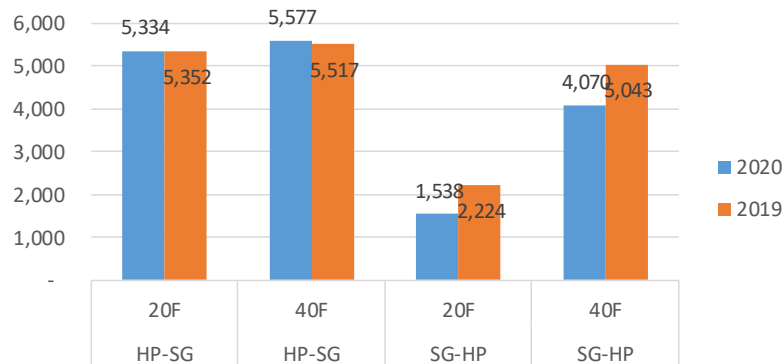


- Doanh thu giảm 3% so với thực hiện 2019 và version 1; lãi gộp giảm 21% so với thực hiện 2019 do / *3% decrease in revenue compared to 2019 and version 1; 21% decrease in gross profit compared to 2019 due to:*
 - Sản lượng xếp tàu trung bình 2020 dự kiến hụt 3% đầu Bắc và 7% đầu Nam so với sản lượng 2019 / *Average volume per trip of 2020 is 3% lower in North route and 7% lower in South route compared to 2019 volume*
 - Giá cước 2020 thấp hơn cước 2019, đặc biệt là mảng Door và tuyến SG-HP / *2020 rate is lower than 2019 rate, especially in Door service and SG-HP route*

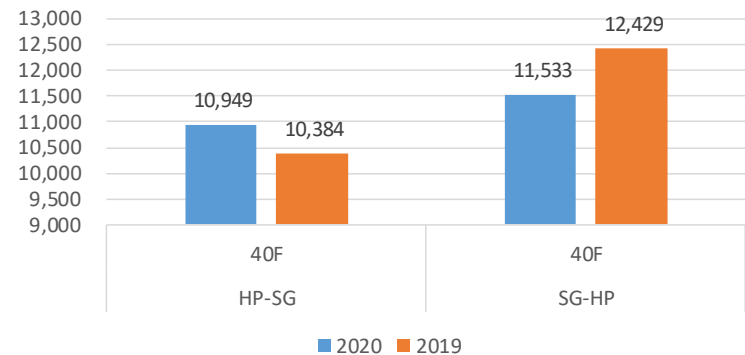
MẢNG VẬN TẢI BIỂN

Shipping

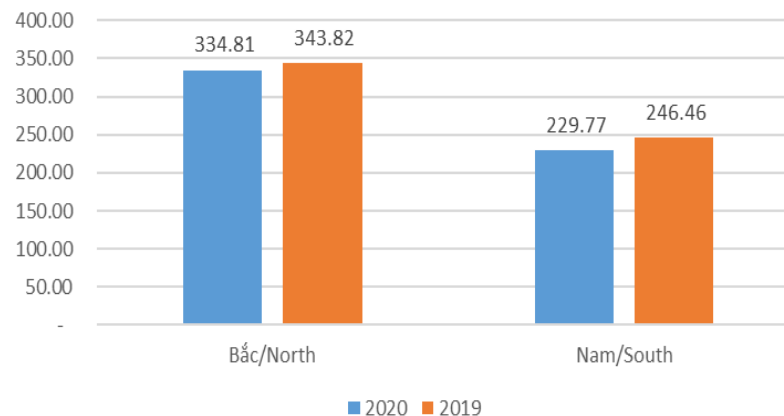
BIẾN ĐỘNG GIÁ CY BÌNH QUÂN/
AVERAGE CY RATE 2020/2019 (UNIT: 1.000 VND)



BIẾN ĐỘNG GIÁ DOOR BÌNH QUÂN/
AVERAGE DOOR RATE 2020/2019 (UNIT: 1.000 VND)

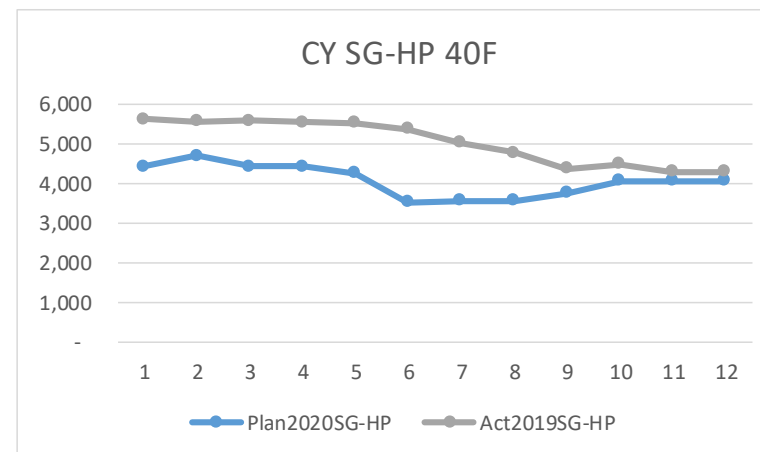
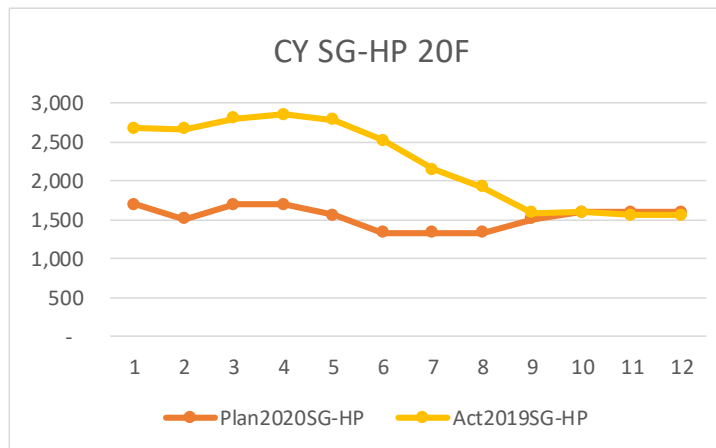
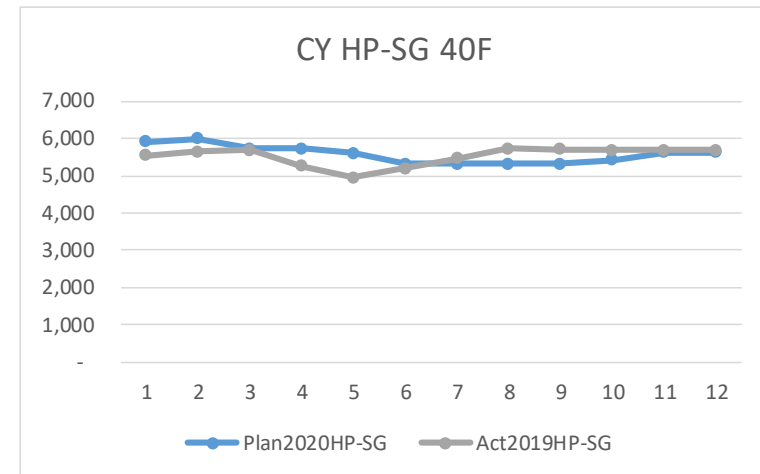
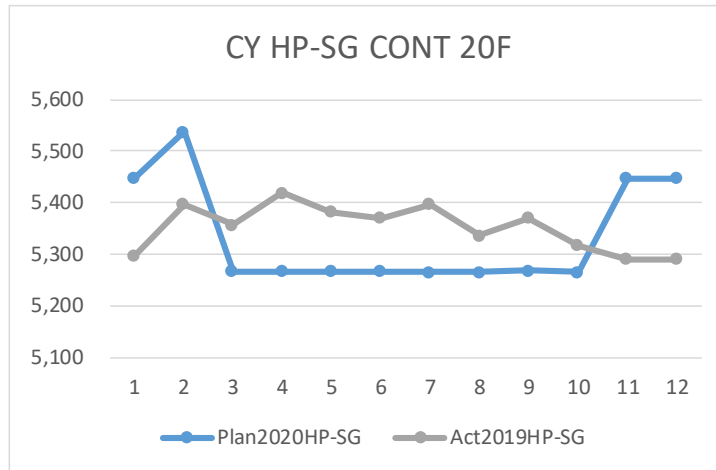


Sản lượng TB/chuyến
Average volume per voyage (teus/trip)



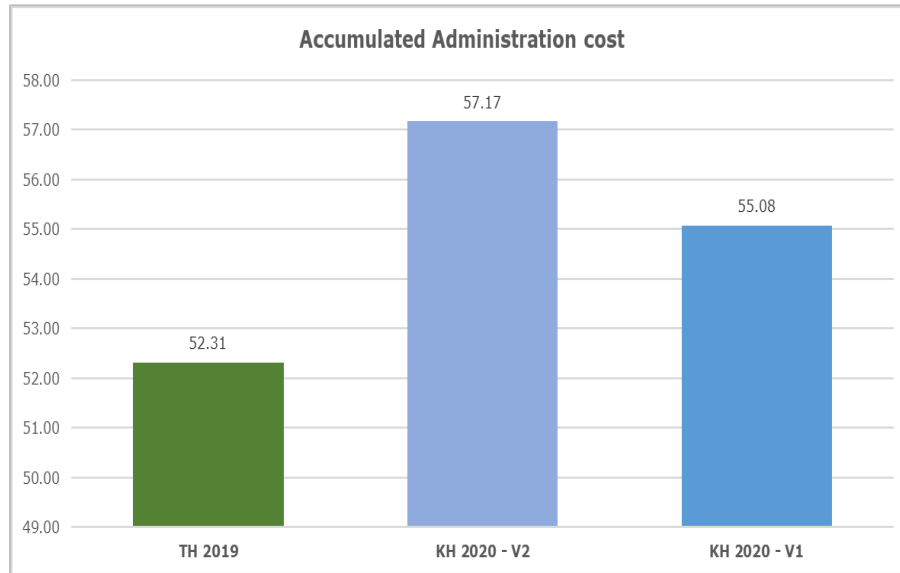
Diễn biến cước CY 2020 vs 2019

CY rate trend 2020 vs. 2019



CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Administration Cost



Khoản mục/Items (tỷ đồng - Bil vnd)	Chi phí quản lý - Administrative	
	2020	2019
	KH-Plan 2020	TH-Act 2019
Lương/Salary	36.54	32.87
CP hoạt động văn phòng/Office operating expenses	10.44	10.02
Chi phí CNTT/IT costs	1.47	1.01
Chi phí thuế, phí /Taxes, fees, consulting	3.10	2.96
Chi phí hội họp, tiếp khách/Costs for meetings and receptions	1.98	1.95
Chi phí truyền thông/PR costs	1.31	1.06
Chi phí công tác/Bussiness trip cost	1.46	1.46
Chi phí đào tạo, tuyển dụng/Training and recruitment costs	0.36	0.98
Quỹ thưởng bổ sung/Additional bonus funds	0.50	
TOTAL	57.17	52.31

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5% so với thực hiện 2019 chủ yếu do bổ sung nhân sự khối kinh doanh & mua hàng-giải pháp từ Quý 4/2019 / *5% increase in administration cost mainly due to adding staff to BD and Solution-Purchase team from Q4/2019*
- So với version 1, chi phí quản lý tăng lên ~ 2 tỷ do chuyển hạch toán một phần lương của VTB từ giá vốn về chi phí quản lý theo nguyên tắc chung của Vinafco / *Compared to version 1, administration cost increase ~ 2 billion VND due to changing part of Shipping salary cost from gross profit to administration cost as in line with Vinafco principle*
- Ưu tiên duy trì các chi phí phục vụ phát triển kinh doanh (truyền thông, tiếp khách, công tác) / *Prioritize expenses for business development (PR, receptions, business trip)*
- Cắt giảm tối đa các chi phí khác / *Savings other expenses*



HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Finance Activities

Danh mục (Item) tỷ đồng (bil VND)	Hoạt động tài chính- Finance			
	2020 KH-Plan	2019 TH-Act	TH-Act/KH-Plan	TH-Act/KH-Plan
Doanh thu tài chính Financial Activities Income	1.47	1.67	-0.20	88%
Lãi tiền gửi Interested income	1.37	1.61	-0.24	85%
Warehouse	0.98	0.60	0.38	>100%
Land Transport (T&S)	0.00	0.19	-0.19	>100%
Shipping	0.39	0.81	-0.42	48%
Lãi đầu tư tài chính Investments income	0.10	0.06	0.04	>100%
Warehouse	0.10	0.06	0.04	>100%
Land Transport (T&S)	0.00	0.00	0.00	>100%
Shipping	0.00	0.01	-0.01	>100%
Chi phí tài chính Financial Activities Expenses	17.73	20.85	-3.11	85%
Lãi vay vốn ngắn hạn Short-term Interest expenses	0.83	0.85	-0.02	98%
Warehouse	0.65	0.85	-0.19	77%
Land Transport (T&S)	0.18	0.00	0.18	>100%
Shipping	0.00	0.00	0.00	>100%
Lãi vay vốn đầu tư dài hạn Long-term Interest expenses	16.31	19.43	-3.13	84%
Warehouse	13.41	15.46	-2.05	87%
Land Transport (T&S)	0.94	1.21	-0.27	77%
Shipping	1.96	2.76	-0.81	71%
Khác Others	0.60	0.57	0.03	>100%
Chênh lệch tỷ giá Exchange rate differences	0.60	0.57	0.03	>100%

- Giảm 15% chi phí tài chính do tối ưu dòng tiền và đàm phán giảm lãi vay/ 15% decrease in financial expenses due to optimization total cash flow and success in gaining lower interest rate for Vinafco loans
- Doanh thu tài chính giảm do lãi suất huy động thị trường giảm / Decrease in financial income due to market interest rate decrease



KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN 2020

2020 Disbursement plan

Tên dự án (Project) Đơn vị: đồng	Description	Dự kiến đầu tư năm 2020 (Plan of Investment in 2020)	Dự kiến giải ngân năm 2020 (Plan of Disbursement in 2020)	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư giải ngân trong năm 2020 (Investment Capital Structure Disbursed in 2020)	
				Vốn CSH (Equity)	Vốn huy động (Loans)
Kế hoạch đầu tư trong năm 2020 (Other Investment in 2020)					
IT (hardware)	Dự án mua thiết bị quản lý và lưu trữ dữ liệu tập trung - SAN (Storage Area Networking Equipment) Dự án vận chuyển và lắp đặt tủ Server (Transport and Install A Server) Thiết bị mạng lõi Cisco (Cisco Backbone network) Thiết bị tường lửa Fortigate FWNG (Fortigate FWNG Firewall Equipment) Laptop, PC, HDD, SSD,...	1,653,700,000	1,653,700,000	1,653,700,000	-
IT (software)	Phần mềm quản lý nhân sự Cadena (Cadena Human Resource Management) Thuê Server ảo - dịch vụ điện toán đám mây (Cloud computing service rental fee) Firewall Software TMS, WMS,...	1,856,863,285	1,856,863,285	1,856,863,285	-
Truck	08 romoocs + truck tractors - North-South route	12,344,000,000	12,344,000,000	3,703,200,000	8,640,800,000
Shelving, Racking	Racking Phu Loi Racking Tien Son	6,050,000,000	6,050,000,000	1,815,000,000	4,235,000,000
Upgrade the warehouse infrastruc	Upgrade the Fire protection system in Tien Son 11; Upgrade the fence in Tien Son 3; Repair the power station in Thanh Tri; Repair the ventilation systems and roof in Binh Duong; Maintenance and repair of electrical systems, Led Systems,... HSSE General Cost,...	4,005,650,000	4,005,650,000	4,005,650,000	-
Upgrade the warehouse infrastruc		1,065,948,400	1,065,948,400	1,065,948,400	-
Upgrade the office building		218,320,000	218,320,000	218,320,000	-
Other	Desks, chairs, cabinets, printer, projectors, air condition;...	777,391,000	777,391,000	777,391,000	-
Total investment phase		27,971,872,685	27,971,872,685	15,096,072,685	12,875,800,000



Trân trọng cảm ơn! Thank you!

Address: Tu Khoat, Ngu Hiep, Thanh Tri, Ha Noi
Tel: (+84-24) 3768 5775
Fax: (+84-24) 3768 4465
Email: info@vinafco.com.vn
Website: www.vinafco.com.vn